

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2022

(Dự thảo lần 1)

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

Xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày... tháng.... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị quyết này quy định mức thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

b) Các nội dung chưa quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Trẻ em học mầm non, học sinh phổ thông (sau đây gọi chung là người học) đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

b) Các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục) thuộc tỉnh Hà Tĩnh quản lý;

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Thu học phí là khoản thu bắt buộc (trừ đối tượng được miễn).

2. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục là khoản thu theo thỏa thuận và tự nguyện.

3. Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường phải tiến tới tính đúng, tính đủ chi phí thành phần bao gồm: chi phí tiền lương, chi phí vật tư, chi phí quản lý, chi phí khấu hao/ hao mòn tài sản cố định (tích lũy đầu tư) và các chi phí, quỹ khác; phù hợp với mặt bằng giá thị trường và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và từng cơ sở giáo dục. Đối với các dịch vụ đã có quy định hỗ trợ một phần từ ngân sách Nhà nước thì mức thu các khoản thu dịch vụ tính trừ phần ngân sách đã hỗ trợ.

4. Đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Theo dõi riêng từng khoản thu trên hệ thống sổ sách kế toán và tổng hợp báo cáo quyết toán thu chi hàng năm, không được điều chuyển từ khoản thu này sang khoản thu khác. Cuối năm học chi không hết phải trả lại cho cha mẹ học sinh hoặc chuyển sang năm học sau nếu được cha mẹ học sinh đồng ý.

6. Các cơ sở giáo dục tổ chức thu các khoản đảm bảo đúng quy định hiện hành, phục vụ, hỗ trợ trực tiếp công tác dạy và học tập của học sinh, không nhất thiết thu đầy đủ các khoản thu tại Nghị quyết này. Mức thu từng khoản của cơ sở giáo dục phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và từng cấp học.

Điều 3. Mức học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông

1. Mức thu học phí năm học 2022-2023 đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên như sau:

a) Mức thu học phí học trực tiếp

Đơn vị tính: 1.000 đồng/tháng/học sinh

TT	Ngành học, cấp học	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3	Vùng 4	Vùng 5
1	Nhà trẻ	50	120	140	300	350
2	Mẫu giáo	50	100	120	300	330
3	Tiểu học	50	100	120	300	320
4	Trung học cơ sở	50	100	120	300	320
5	Trung học phổ thông	100	200	250	300	340
6	Trường THCS Lê Văn Thiêm (TP Hà Tĩnh); Trường THCS Xuân Diệu (huyện Can Lộc); Trường THCS Nguyễn Trãi (huyện Nghi Xuân)					450
7	Trường THPT Chuyên Hà Tĩnh					500

Trong đó:

- Vùng 1 gồm: Các trường, điểm trường đóng trên Bản Rào Tre, xã Hương Liên và Thôn Bản Giàng, xã Hương Vĩnh, huyện Hương Khê;

- Vùng 2 gồm: Các trường, điểm trường đóng trên các xã thuộc các huyện: Hương Khê (trừ các trường, điểm trường tại vùng 1), Vũ Quang, Hương Sơn; các xã: Kỳ Hoa, Kỳ Nam của thị xã Kỳ Anh; các xã: Lâm Hợp, Kỳ Sơn, Kỳ Thượng, Kỳ Tây, Kỳ Lạc của huyện Kỳ Anh; xã Tân Hương của huyện Đức Thọ.

- Vùng 3 gồm: Các trường, điểm trường đóng trên địa bàn các xã còn lại.

- Vùng 4 gồm: Các trường, điểm trường đóng trên địa bàn các phường của thị xã Kỳ Anh (trừ phường Hưng Trí), thị trấn Đồng Lộc của huyện Can Lộc, thị trấn Hương Khê của huyện Hương Khê, thị trấn Vũ Quang của huyện Vũ Quang, thị trấn Phố Châu và thị trấn Tây Sơn của huyện Hương Sơn.

- Vùng 5 gồm: Các trường, điểm trường đóng trên địa bàn các phường và thị trấn còn lại (trừ Trường THCS Lê Văn Thiêm của thành phố Hà Tĩnh, Trường THCS Xuân Diệu của huyện Can Lộc, Trường THCS Nguyễn Trãi của huyện Nghi Xuân).

b) Mức thu học phí học trực tuyến (học online): Bằng 75% mức thu học phí quy định tại điểm a khoản này.

2. Từ năm học 2023-2024 trở đi căn cứ tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, mức độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, điều chỉnh mức thu học phí nhưng không quá 7,5% so với mức thu của năm học trước đó.

3. Địa bàn không đủ trường tiểu học công lập là địa bàn mà ở đó bình quân số học sinh/lớp của một khối lớp ở tất cả các trường, điểm trường tiểu học trên địa bàn vượt quá 35 học sinh. Số học sinh để xác định số lớp là số học sinh mà bố, mẹ hoặc người nuôi dưỡng có hộ khẩu thường trú tại địa bàn tuyển sinh và có phiếu đăng ký dự tuyển vào học tại cơ sở giáo dục tiểu học công lập trong địa bàn đó.

Điều 4. Các khoản thu và mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

1. Các khoản thu và mức thu (*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*).
2. Mức thu quy định tại khoản 1 Điều này là mức thu tối đa, căn cứ tình hình thực tế Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt mức thu cụ thể cho từng cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Bộ GDĐT;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu 4;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ TP;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VP.

CHỦ TỊCH

Hoàng Trung Dũng

Phụ lục
CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày /7/2022
của HĐND tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Danh mục các khoản thu dịch vụ giáo dục	Mức thu tối đa (nghìn đồng)
1	Thu dạy môn học tự chọn (học sinh/tiết)	
	- Giáo dục phổ thông (ngoại ngữ 2); - Giáo dục thường xuyên (ngoại ngữ, tin học, công nghệ, giáo dục công dân)	15,0
2	Dạy thêm học thêm (học sinh/tiết)	
a	Đối với học sinh trung học cơ sở	6,5
b	Đối với học sinh trung học phổ thông và học viên bổ túc THPT	7,0
3	Thi nghề phổ thông (học sinh/đợt thi)	65,0
4	Thi thử (học sinh/môn/lần thi)	
a	Thi thử lớp 10	30,0
b	Thi thử tốt nghiệp THPT	50,0
5	Tổ chức bán trú	
a	Nấu ăn và chăm sóc buổi trưa học sinh mầm non, tiểu học bán trú (học sinh/tháng)	200,0
b	Mua sắm dụng cụ bán trú mầm non	
	- Dụng cụ cho cả khóa học (trẻ/4 năm học)	630,0
	- Dụng cụ thay thế hàng năm (trẻ/năm học)	20,0
c	Mua sắm dụng cụ bán trú tiểu học	
	- Dụng cụ cho cả khóa học (học sinh/5 năm học)	790,0
	- Dụng cụ thay thế hàng năm (học sinh/năm học)	20,0
6	Chương trình, hoạt động giáo dục tăng cường	
a	Học ngoại ngữ	
	- Trẻ mầm non: Cho trẻ làm quen với ngoại ngữ (trẻ/giờ)	20,0
	- Học sinh phổ thông:	
	+ Giáo viên là người Việt Nam (học sinh/tiết)	25,0
	+ Giáo viên là người nước ngoài (học sinh/tiết)	50,0
b	Học các nội dung khác (học sinh/tiết)	
	- Học bơi, các môn năng khiếu về nghệ thuật, thể thao	25,0

TT	Danh mục các khoản thu dịch vụ giáo dục	Mức thu tối đa (nghìn đồng)
7	Học phẩm phục vụ kiểm tra, sinh hoạt nhóm (học sinh/năm học)	
a	Phiếu bài tập, bài kiểm tra định kỳ (học sinh tiểu học)	60,0
b	Phiếu bài tập, bài kiểm tra định kỳ (học sinh THCS)	70,0
c	Giấy Ao, giấy thi, giấy làm bài kiểm tra định kỳ (HS-THPT)	80,0
8	Nước uống cho học sinh (học sinh/tháng)	8,0
9	Vệ sinh các công trình phục vụ học sinh (học sinh/tháng)	
a	Học sinh tiểu học, trung học cơ sở	25,0
b	Học sinh trung học phổ thông	20,0
10	Phù hiệu, thẻ học sinh THCS, THPT (học sinh/năm học)	15,0
11	Sổ liên lạc điện tử, sổ theo dõi trẻ	
a	Trẻ mầm non (trẻ/năm học)	40,0
b	Học sinh phổ thông (học sinh/năm học)	80,0
12	Thu trông giữ trẻ mầm non ngoài giờ	
	- Trông giữ trẻ ngày thứ 7, ngày lễ, hè (trẻ/giờ)	5,0